



**TAN CANG**  
WAREHOUSING

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

ĐT: (08). 35123498      Fax: (08). 3512 3727

Website: www.saigonnewport.com.vn

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

**Căn cứ :**

- Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/ 11/ 2005
- Điều lệ Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng

**QUYẾT NGHỊ**

Ngày 24/04/2013, tại Hội trường A400, tòa nhà Lê Phụng Hiểu – cảng Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, Tp.HCM, Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng được tổ chức với sự tham gia của 32 đại biểu sở hữu 9.492.561 cổ phần chiếm 94,93% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

**Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2012, kế hoạch SXKD năm 2013.**

**1.1. Kết quả hoạt động SXKD 2012**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2012		
			KH	TH	% HT
1	Giá trị sản xuất	trđ	346.307	433.419	125,15
2	Tổng doanh thu	trđ	346.307	433.419	125,15
3	Doanh thu từ hoạt động SXKD chính	trđ	342.907	412.678	120,35
4	Tổng chi phí	trđ	315.228	371.830	117,96
5	Lợi nhuận trước thuế	trđ	31.079	61.589	198,17
6	Lợi nhuận sau thuế	trđ	23.477	45.924	195,61
7	Nộp ngân sách nhà nước	trđ	27.925	39.089	139,98
8	Vốn chủ sở hữu tại 31/12	trđ	136.340	140.594	103,12

9	Tỉ suất LN sau thuế trên vốn CSH	%	17,21	32.66	15,45
10	Tỉ suất LN sau thuế trên vốn điều lệ	%	23,48	45.92	22,44
11	Tổng số LĐ tại 31/12	người	419	383	91,41
<b>12</b>	<b>Thu nhập BQ NLĐ</b>	<b>tr.đ/ng.th</b>	17,054	18,830	110,41
13	Giá trị tăng thêm	trđ	144.648	178.962	123,72
14	Đầu tư xd cơ bản và thiết bị	trđ	45.866	47.093	102,68
15	Đầu tư ra ngoài DN	trđ	-	-	-
16	Sản lượng thông qua bãi	teus	486.446	641.623	131,90
17	Sản lượng thông qua kho	tấn	726.104	700.020	96,41

## 1.2. Kế hoạch hoạt động SXKD 2013

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2012	KẾ HOẠCH 2013	TỶ LỆ (%)
1	<b>Giá trị sản xuất</b>	trđ	433.419	442.902	102,18
2	<b>Tổng doanh thu</b>	trđ	433.419	442.902	102,18
3	<b>Doanh thu từ hoạt động SXKD chính</b>	trđ	412.678	438.319	106,21
4	Tổng chi phí	trđ	371.830	379.242	101,99
5	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	trđ	61.589	63.660	103,36
6	Lợi nhuận sau thuế	trđ	45.924	48.131	104,81
7	Nộp ngân sách nhà nước	trđ	39.089	37.676	96,38
8	Vốn chủ sở hữu tại 31/12	trđ	140.594	176.292	125,39
9	Tỉ suất LN sau thuế trên vốn CSH	%	32,66	30,51	(5,36)
10	Tỉ suất LN sau thuế trên vốn điều lệ	%	45,92	48,13	2,21
11	Tổng số LĐ tại 31/12	người	383	389	101,57
<b>12</b>	<b>Thu nhập BQ NLĐ</b>	<b>trđ/ng.th</b>	18,830	19,280	102.39
13	Giá trị tăng thêm	trđ	178.962	189.137	105,68
14	Đầu tư xd cơ bản và thiết bị	trđ	47.093	148.244	314.79
15	Đầu tư ra ngoài DN	trđ	0	9.300	

16	Sản lượng thông qua bãi	teus	641.623	660.097	102,88
17	Sản lượng thông qua kho	tấn	700.020	726.030	103,71

Phân biểu quyết:

- Tán thành : 9.492.561 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả đầu tư năm 2012, kế hoạch đầu tư năm 2013.**

### 2.1. Kết quả đầu tư 2012

TT	CÔNG TRÌNH, THIẾT BỊ	KH 2012 (trđ)	TH 2012 K.PHÍ (trđ)	% HOÀN THÀNH
<b>1</b>	<b>Đầu tư xây dựng cơ bản</b>		<b>23.664</b>	
1.1	Xây dựng kho CFS	17.066	19.668	
1.2	Vá bãi cầu cảng Tân Cảng		480	
1.3	Nâng cấp bãi Cảng Mở		3.516	
<b>2</b>	<b>Đầu tư thiết bị công nghệ</b>		<b>23.429</b>	
2.1	Hệ thống camera Tân Cảng		1.800	
2.2	Xe nâng điện kho	13.000	12.175	
2.3	Xe đầu kéo	9.800	9.454	
<b>3</b>	<b>Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp</b>			
	<b>Tổng cộng</b>		<b>47.093</b>	

### 2.2. Kế hoạch đầu tư 2013

#### 1. Các hạng mục đã triển khai 2012, tiếp tục triển khai trong năm 2013

1.1 Xây dựng kho CFS 18.000 m<sup>2</sup> tại Cát Lái: 5.708tr

#### 2. Các hạng mục đầu tư mới

2.1 Xe nâng rỗng 9.477 trđ

2.2 Hệ thống Camera Cát Lái 1.800 trđ

2.3 Lắp thêm thiết bị báo cháy 400 trđ

2.4 Hệ thống PCCN ngoài kho 877 trđ

2.5 Công nghệ quản lý kho CFS 6.000 trđ

2.6 Xây dựng kho CFS xuất Cát Lái 108.000 trđ

2.7 Vá bãi cầu cảng Tân Cảng 1275 trđ

2.8 Xây mới sơn sửa văn phòng CL, TC 12.158 trđ

2.9 Vá bãi CL	500 trđ
2.10 Thay đèn chiếu sáng kho CL,TC	449 trđ
2.11 Chống dột kho TC	600 trđ
2.12 Gia cố chống bão kho hàng CL	1.000 trđ

### **3. Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:**

3.1 Bổ sung thêm vốn vào cty Tiếp Vận Cát Lái 9.300 trđ

**Tổng cộng 157.544 trđ**

*(Một trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu đồng)*

### **4. Vốn đầu tư:**

- Kho CFS xuất Cát Lái: Vốn tự có 30%, vay ngân hàng 70%.
- Xe nâng rỗng : Vốn tự có 25%, vay ngân hàng 75%
- Các hạng mục khác sử dụng nguồn vốn tự có.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 9.438.093 cổ phần, chiếm 99,43 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 54.468 cổ phần, chiếm 0,57 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

### **Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán 2012, Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2012.**

Phân biểu quyết:

- Tán thành : 9.438.093 cổ phần, chiếm 99,43 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 54.468 cổ phần, chiếm 0,57 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

### **Điều 4: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2012.**

Phân biểu quyết:

- Tán thành : 9.492.561 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

### **Điều 5: Thông qua Báo cáo của BKS năm 2012.**

Phân biểu quyết:

- Tán thành : 9.492.561 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Điều 6: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2012, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2013.**

1. Năm 2012, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	:	10%
+ Trích Quỹ dự phòng tài chính	:	5%
+ Trích Quỹ khen thưởng	:	5%
+ Trích Quỹ phúc lợi	:	5%
+ Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	:	200 Trđ
+ Lợi nhuận chia cổ tức	:	22%/Vốn điều lệ

(Đã tạm ứng 16% theo kế hoạch dự kiến năm 2012)

+ Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển năm sau bổ sung Quỹ tái đầu tư.

Chi tiết phân phối như sau:

+ Lợi nhuận sau thuế dự kiến	:	45.924 Trđ
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	:	4.592 Trđ
+ Trích Quỹ dự phòng tài chính	:	2.296 Trđ
+ Trích Quỹ khen thưởng	:	2.296 Trđ
+ Trích Quỹ phúc lợi	:	2.296 Trđ
+ Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	:	200 Trđ
+ Lợi nhuận chia cổ tức	:	22.000 Trđ
+ Hình thức chi trả cổ tức	:	Bằng tiền
+ Thời gian chi trả cổ tức	:	

Đã tạm ứng 16% năm 2012

06 % còn lại giao HĐQT lựa chọn phù hợp tình hình đơn vị

+ Lợi nhuận chưa phân phối	:	12.244 Trđ
----------------------------	---	------------

2. Năm 2013, Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	:	10%
+ Trích Quỹ dự phòng tài chính	:	5%
+ Trích Quỹ khen thưởng	:	5%
+ Trích Quỹ phúc lợi	:	10%
+ Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	:	200 Trđ
+ Lợi nhuận chia cổ tức	:	22%/Vốn điều lệ
+ Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền	:	



- + Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn phù hợp tình hình đơn vị.
- + Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển năm sau bổ sung quỹ tái đầu tư

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 9.492.561 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

#### **Điều 7: Thông qua Phương án trả lương năm 2012.**

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty, dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông đơn giá tiền lương chung của doanh nghiệp (không tính viên chức quản lý) bằng 58.95% (Doanh thu - Chi phí không tính lương), Quỹ lương viên chức quản lý: 3,079 tỷ đồng.

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 9.492.561 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

#### **Điều 8: Thông qua tờ trình phê duyệt chủ trương xây dựng kho CFS Xuất Cát Lái năm 2013.**

- **Mục đích đầu tư:**

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kho bãi của thành phố.
- Đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hệ thống kho và trang thiết bị phục vụ sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đáp ứng nhu cầu thuê kho bãi đang tăng tại khu vực Cảng Cát Lái (Sản lượng hàng hóa XNK qua kho có tốc độ tăng trung bình hàng năm là 7%).
- Đáp ứng đủ năng lực chứa hàng hóa khi chuyển đổi công năng khu vực Tân Cảng (Theo quy hoạch chung của thành phố dự kiến trong thời gian 2014-2015 sẽ chuyển đổi công năng khu vực Tân Cảng nên phải chuyển toàn bộ nhân lực, kho hàng, hàng hóa xuống Cát Lái).

- **Quy mô đầu tư, vị trí xây dựng:** Xây dựng kho CFS xuất trên khu đất bên cạnh kho CFS hiện hữu, diện tích xây dựng 12.000 m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng 24.000m<sup>2</sup> (kho 2 tầng, sử dụng kệ, quản lý bằng phần mềm chuyên dụng và mã vạch, thiết bị xếp dỡ: xe nâng điện và thang máy).

- **Tổng giá trị đầu tư:** Dự kiến 212.000.000.000 đồng (Hai trăm mười hai tỷ đồng).

- **Phân kỳ đầu tư:** Phân làm 2 giai đoạn:

+ GD 1: Xây dựng 1 nửa kho (6.000m<sup>2</sup>). Dự kiến khởi công tháng 07/2013, đưa vào khai thác tháng 07/2014.

+ GD 2: Xây dựng 1 nửa kho còn lại. Thời gian xây dựng: Khi dung lượng các kho CFS gần đạt ngưỡng đầy hàng.

- **Nguồn vốn:** Vốn tự có của Công ty 30% và vốn vay ngân hàng 70%.
- **Phương án khai thác:** Khai thác hàng CFS xuất khẩu (và hàng nhập khẩu nếu cần).
- **Thủ tục, triển khai đầu tư:** Ủy Quyền HĐQT, Ban giám đốc thực hiện tất cả các nhóm công việc liên quan theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 9.362.624 cổ phần, chiếm 98,64 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 128.937 cổ phần, chiếm 1,36% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Điều 9: Thông qua tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2012 & phương án thù lao HĐQT, BKS năm 2013.**

#### **9.1. Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2012**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 1.200.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 800.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 800.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 500.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2012: 55.200.000 đồng bằng với mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2012.

#### **9.2. Phương án trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013**

Thù lao chi trả cho HĐQT (bao gồm chủ tịch, 02 ủy viên): 33.600.000 đồng /năm.

- Chủ tịch HĐQT: 1.200.000 đồng /tháng;
- Thành viên HĐQT: 800.000 đồng / tháng

Thù lao chi trả cho Ban kiểm soát (bao gồm trưởng ban và 02 thành viên): 21.600.000 đồng/ năm

- Trưởng ban kiểm soát: 800.000 đồng/ tháng;
- Thành viên ban kiểm soát: 500.000 đồng / tháng

Tổng cộng: 55.200.000 đồng / năm

Bằng chữ: *Năm lăm triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.*

Phản biểu quyết:

- Tán thành : 9.492.561 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Điều 10: Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm tài chính 2012.**

Năm 2013, Hội đồng quản trị trình đại hội đồng cổ đông phê duyệt chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) chi nhánh Hà Nội làm Công ty kiểm toán độc lập cho Công ty Cổ phần Kho vận Tân cảng trong năm tài chính 2013.

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 9.438.093 cổ phần, chiếm 99,43 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 54.468 cổ phần, chiếm 0,57 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Điều 11: Thông qua tờ trình bầu tín nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc.**


Phần biểu quyết:

- Tán thành : 9.492.561 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Điều 12: Thông qua tờ trình sửa đổi Điều lệ hoạt động của công ty**

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 9.492.561 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nghị quyết được ĐHCĐ Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

**Nơi nhận:**

- UBCKNN
- HĐQT, KBS
- Ban Giám Đốc.
- Thư ký công ty.

